

Bản án số:16/2018/DS-ST

Ngày: 31/5/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

2. Ông **Bạch Quốc Thống**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Cẩm Minh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST-DS, ngày 05/3/2018 về “**Tranh chấp hợp đồng góp hui**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXX-ST, ngày 04/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đoàn Hồng L**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Hồng L thì vụ án có nội dung như sau: Nguyên vào ngày 30/02/2013, bà Đoàn Thị L đứng ra làm đầu thảo vận động chị em chơi hui mùa, 04 tháng khai một lần, mỗi chân là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 15 chân, khi tham gia chơi hui, thì đầu thảo có văn bản giao kèo những việc đúng hay sai. Nếu ai sai thì sẽ bị đầu thảo lấy tài sản để trừ nợ. Cụ thể những lần như sau:

Lần 1: Ngày 30/02/2013, bà L hốt ra lời 1.750.000 đồng, bà đóng 3.250.000 đồng.

Lần 2: Ngày 30/6/2013, bà X ra lời 1.820.000 đồng bà đóng 3.180.000 đồng.

Lần 3: Ngày 30/10/2013, Hoàng E ra lời 2.120.000 đồng bà đóng 2.880.000 đồng.

Lần 4: Ngày 30/02/2014 (âm lịch), Kiều M ra lời 1.800.000 đồng bà đóng 3.200.000 đồng.

Lần 5: Ngày 30/6/2014, Chí T ra lời 2.050.000 đồng bà đóng 2.950.000 đồng.

Lần 6: Ngày 30/10/2014, bà L ra lời 1.800.000 đồng bà đóng 3.200.000 đồng

Lần 7: Ngày 30/02/2015 (âm lịch), Chí T ra lời 2.120.000 đồng bà đóng 2.880.000 đồng.

Lần 8: Ngày 30/6/2015, Kiều M ra lời 1.800.000 đồng bà đóng 3.200.000 đồng.

Lần 9: Ngày 30/10/2015, Út C ra lời 2.000.000 đồng bà đóng 3.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 30/02/2016 (âm lịch), H ra lời 2.700.000 đồng bà đóng 2.300.000 đồng.

Lần 11: Ngày 30/6/2016, em Đ (Út M) hốt hụi ra lời 3.050.000 đồng bà đóng 1.950.000 đồng.

Lần 12: Ngày 30/6/2016 (âm lịch), chị X ra lời 4.500.000 đồng bà đóng 500.000 đồng.

Lần 13: Ngày 30/02/2017 (âm lịch) anh 4 B ra lời 5.000.000 đồng.

Lần 14: Ngày 30/6/2017 Út C ra lời 5.000.000 đồng

Lần 15: Ngày 30/10/2017, bà hốt hụi chân sau cùng số tiền 70.000.000 đồng, trừ đầu thảo 2.000.000 đồng, còn lại 68.000.000 đồng.

Nay bà Đoàn Hồng L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị L trả cho bà số tiền 68.000.000 đồng.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Đoàn Thị L trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 30/02/2013 âm lịch, bà có làm chủ dây hụi mùa 5.000.000 đồng, bốn tháng khui một lần và có 15 người hụi viên tham gia chơi hụi, bà Đoàn Hồng L có tham gia chơi 01 chân hụi (có lập biên bản giao kèo việc chơi hụi), bà L chỉ đóng hụi được 09 lần với số tiền 27.000.000 đồng, còn lại 06 lần bà L không đóng hụi cho bà. Nay bà chỉ trả cho bà L số tiền hụi 09 lần là 27.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu giải quyết buộc bị đơn trả số tiền nợ hụi tổng cộng là 65.550.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi một phần khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự::

[2] Giữa nguyên đơn và bị đơn có tham gia chơi hội mùa 04 tháng khui một lần, mỗi chân là 5.000.000 đồng. tổng cộng 15 chân. Sau đó, nguyên đơn có đóng hội cho bị đơn khi có hội viên ra lời, nguyên đơn là người hốt hội sau cùng. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 65.550.000 đồng, nhưng bị đơn không giao số tiền trên cho nguyên đơn. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”

Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi giao kết hợp đồng phía nguyên đơn bà L và bà L đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên công nhận Hợp đồng chơi hội giữa bà L và bà L là hợp pháp.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mà nguyên đơn đã đóng với số tiền 65.550.000 đồng, nhưng nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền mà nguyên đơn đã đóng cho bị đơn số tiền trên và cho rằng trong số tiền 65.550.000 đồng này có những lần phía bị đơn không đến gom hội. Tuy nhiên, qua đối chiếu với nội dung đơn yêu cầu của nguyên đơn, thì thấy rằng: Nguyên đơn đã đóng cho bị đơn 10 lần chỉ có số tiền 30.040.000 đồng, chứ không phải số tiền 65.550.000 đồng. Tại phiên tòa, phía bị đơn cũng đồng ý trả cho nguyên đơn tiền hội 10 lần với số tiền 30.040.000 đồng và xin trả dần cho đến khi hết số tiền nợ hội nêu trên. Do đó, thiết nghĩ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ hội là 30.040.000 đồng .

[4] Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 35.510.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bị đơn xin trả dần dần cho đến khi hết số tiền nợ hội là 30.040.000 đồng là thuộc lĩnh vực thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự 2005, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; buộc bị đơn bà Đoàn Thị L phải trả cho nguyên đơn số tiền 30.040.000 đồng là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên bị đơn và nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

* Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng các Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c, khoản 1, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Đoàn Thị L phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hộ là 30.040.000 đồng.

1.1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hộ là 35.510.000 đồng.

1.2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà L còn phải trả lại cho bà L theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Đoàn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 30.040.000 đồng x 5% = 1.502.000 đồng.

Nguyên đơn Đoàn Hồng L phải chịu án phí phần không được chấp nhận, cụ thể: (65.550.000 đồng – 30.040.000 đồng = 35.510.000 đồng x 5%), khấu trừ 1.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009940 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn còn phải đóng thêm số tiền 75.500 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhấn